

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách địa phương Quý I năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 549/STC-NS ngày 09/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I năm 2018, cụ thể như sau:

I. Về công khai số liệu thực hiện dự toán NSDP Quý I năm 2018: theo các mẫu biểu số 59/CK-NSNN; 60/CK-NSNN; 61/CK-NSNN đính kèm.

II. Về công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSDP Quý I năm 2018, cụ thể như sau:

1. Về thu NSNN: Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn Quý I năm 2018 đạt 2.860,7 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 1.694,9 tỷ đồng; thuế XNK 281,9 tỷ đồng), đạt 44,9% dự toán tính giao và tăng 34,2% so cùng kỳ. Thu nội địa 2.578,8 tỷ đồng đạt 50,9% dự toán và tăng 28,8% so cùng kỳ. Một số lĩnh vực thu đạt khá như: Thu tiền sử dụng đất đạt 89%; Thu tiền thuê đất đạt 79,1%,...

(Chi tiết các lĩnh vực thu theo biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

2. Về chi Ngân sách địa phương: Ước thực hiện Quý I năm 2018 là 2.989,5 tỷ đồng đạt 22,1% dự toán tính giao, tăng 7,2% so cùng kỳ. Trong đó:

2.1. Chi cân đối NSDP: 2.834,5 tỷ đồng đạt 24,6% dự toán năm, tăng 4,8% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 1.066,9 tỷ đồng bằng 43,8% dự toán, tăng 26,3% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển đạt khá do nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2017 chuyển sang thực hiện chi cho một số công trình, dự án.

- Chi thường xuyên 1.767,7 tỷ đồng, đạt 19,9% dự toán, bằng 95% so cùng kỳ. Chi thường xuyên Quý I năm 2018 cơ bản theo dự toán được giao, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các nghiệp vụ chuyên môn.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 155 tỷ đồng đạt 7,7% dự toán, tăng 86,1% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp): 18,1 tỷ đồng, đạt 5,5% dự toán năm, tăng 75,3% so cùng kỳ. Chương trình MTQG đạt thấp do một số chương trình phân bổ kế hoạch vốn chi tiết muộn. Hiện các đơn vị mới đang triển khai thực hiện.

- Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư và vốn Trái phiếu Chính phủ: 136,9 tỷ đồng, đạt 8,1% dự toán, tăng 87,6% so cùng kỳ.

(Chi tiết các lĩnh vực chi theo biểu số 61/CK-NSNN đính kèm)

Điều 2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./ *ndh*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Tài chính;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành trực thuộc Tỉnh uỷ; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH; Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Lưu VT, KT.Hải

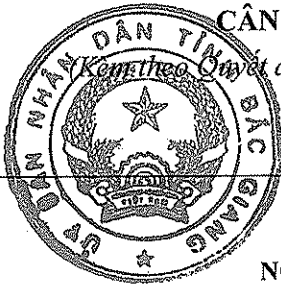
Bản điện tử:

- VP UBND tỉnh: LĐVP, TPKT, TH, TTTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Hà



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

Kiểm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 11 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2018	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	13.669.266	5.806.093	42,5	131,0
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.854.900	2.525.285	52,0	230,1
1	Thu NSDP được hưởng 100%	2.639.220	1.936.415	73,4	328,3
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.215.680	588.870	26,6	116,0
II	Thu bổ sung từ NSTW	8.814.366	2.372.103	26,9	109,7
1	Thu bổ sung cân đối	6.282.444	1.891.386	30,1	100,4
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.531.922	480.717	19,0	173,4
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		908.705	-	110,9
B	TỔNG CHI NSDP	13.552.007	2.989.513	22,1	107,2
I	Chi cân đối NSDP	11.537.697	2.834.540	24,6	104,8
1	Chi đầu tư phát triển	2.434.221	1.066.874	43,8	126,4
2	Chi thường xuyên	8.878.243	1.767.666	19,9	95,0
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.800	-	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	-	-	-
5	Dự phòng ngân sách	221.233	-	-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.014.310	154.973	7,7	185,1
C	BỘI THU NSDP	117.259	-	-	-



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 11 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯTH QUÝ I NĂM 2018	SO SÁNH ƯTH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.368.500	2.860.709	44,9	134,2
I	Thu nội địa	5.068.500	2.578.767	50,9	128,8
1	Thu từ khu vực DNNN	525.000	121.541	23,2	121,2
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	649.000	167.260	25,8	104,0
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	725.000	175.466	24,2	112,6
4	Thuế thu nhập cá nhân	365.000	124.023	34,0	151,9
5	Thuế bảo vệ môi trường	220.000	63.847	29,0	183,9
6	Lệ phí trước bạ	265.000	90.195	34,0	157,1
7	Thu phí, lệ phí	136.000	30.489	22,4	74,8
8	Các khoản thu về nhà đất	1.980.000	1.746.569	88,2	392,2
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	10.000	216	2,2	122,7
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.905.000	1.694.926	89,0	390,9
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	65.000	51.427	79,1	442,7
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	25.000	665	2,7	32,3
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.500	34	1,0	1
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	25.000	7.621	30,5	139,8
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	2.476	12,4	93,3
13	Thu khác ngân sách	130.000	48.581	37,4	157,4
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.300.000	281.942	21,7	131,3
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	935.000	165.703	17,7	95,2
2	Thuế xuất khẩu	3.000	917	30,6	224,2
3	Thuế nhập khẩu	361.500	114.504	31,7	284,5
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	500	818	163,6	879,6
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.854.900	2.525.285	52,0	124,8
1	Từ các khoản thu phân chia	2.215.680	588.870	26,6	107,8
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	2.639.220	1.936.415	73,4	138,1



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2018	SO SÁNH TH 1 VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	13.549.207	2.989.513	22,1	107,2
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.534.897	2.834.540	24,6	104,8
I	Chi đầu tư phát triển	2.434.221	1.066.874	43,8	126,3
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.434.221	1.066.874	43,8	126,3
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.	-			
3	Chi đầu tư phát triển khác			#DIV/0!	-
III	Chi thường xuyên	8.878.243	1.767.666	19,9	95,0
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.051.011	815.421	20,1	106,5
2	Chi khoa học và công nghệ	26.040	7.724	29,7	125,7
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	899.842	162.974	18,1	52,7
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	86.669	27.737	32,0	103,5
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	59.622	9.194	15,4	100,8
6	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	19.346	4.205	21,7	91,1
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	101.874	11.272	11,1	94,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	770.776	115.400	15,0	100,3
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.588.682	411.951	25,9	98,1
10	Chi đảm bảo xã hội	538.911	121.263	22,5	102,4
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.800			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200			
V	Dự phòng ngân sách	221.233			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.014.310	154.973	7,7	186,1
1	Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư và vốn SN)	330.995	18.114	5,5	175,3
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư (trong đó: vốn nước ngoài 38.507tr; Vốn TPCP 877.000trđ)	1.683.315	136.859	8,1	187,6
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên (đã phân bổ vào các lĩnh vực chi TX)				